

Phật giáo và sự nghiệp cách mạng qua tác phẩm “Đội gạo lên chùa”

ISSN: 2734-9195 10:10 29/01/2026

Những giá trị của Phật giáo tiếp tục có ý nghĩa trong sự nghiệp phát triển đất nước hiện nay như tinh thần bình đẳng, từ bi bác ái, bảo vệ môi trường và phát triển xã hội.

Tác giả: **TS Phạm Thanh Hà (1)**

Tham luận tại Hội thảo khoa học "Đạo Phật Với Cách Mạng Việt Nam" tổ chức ngày 25/08/2025, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội

1. Dẫn nhập

Phật giáo là một tôn giáo lớn có ảnh hưởng mạnh đối với các quốc gia lân cận như Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản... đặc biệt là Việt Nam. Phật giáo Việt Nam có lịch sử gắn bó lâu dài trong suốt chiều dài dựng nước và giữ nước của dân tộc ta. Phật giáo Việt Nam đã trở thành lực lượng tinh thần quan trọng và đồng hành cùng dân tộc qua các giai đoạn lịch sử dân tộc, nhất là Phật giáo Việt Nam đã đóng vai trò to lớn trong sự nghiệp cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam.

Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, nhiều tăng ni phật tử và chùa chiền trở thành cơ sở cách mạng góp phần không nhỏ vào công cuộc giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nghiên cứu Phật giáo với sự nghiệp cách mạng của dân tộc có khá nhiều công trình, tác phẩm văn học nghệ thuật...để cập đến nội dung này. Tác phẩm “Đội gạo lên chùa” của tác giả Nguyễn Xuân Khánh là một tiểu thuyết lịch sử đặc sắc, nó phản ánh sự giao thoa giữa Phật giáo và cách mạng Việt Nam qua lăng kính văn học.



(Ảnh: Internet)

Qua nghiên cứu tác phẩm “Đội gạo lên chùa”, chúng tôi muốn làm rõ hơn nữa vai trò của Phật giáo trong sự nghiệp cách mạng, từ đó góp phần nhìn nhận văn học như một lĩnh vực quan trọng để chuyển tải tư tưởng lịch sử xã hội sâu sắc. Nội dung nghiên cứu của chúng tôi tập trung vào hai vấn đề: *Thứ nhất*, làm rõ cách tác giả Nguyễn Xuân Khánh xây dựng hình tượng Phật giáo trong mối quan hệ với cách mạng; *Thứ hai*, phân tích vai trò và ảnh hưởng của Phật giáo trong đời sống nhân vật và bối cảnh lịch sử trong tác phẩm.

2. Nội dung nghiên cứu

* **Lịch sử Phật giáo Việt Nam**

Phật giáo truyền vào Việt Nam khoảng đầu kỷ nguyên Tây lịch. Theo Nguyễn Lang, tài liệu chắc chắn cho biết rằng vào hạ bán thế kỷ thứ hai, tại nước ta đã có một trung tâm Phật giáo phồn vinh và quan trọng rồi, nhưng có thể đạo Phật đã du nhập vào nước ta trong thế kỷ đầu của kỷ nguyên (Nguyễn Lang, 1992, 19).

Các tài liệu như Hậu Hán thư trong đó có câu chuyện Sở Vương Anh theo Phật giáo, sách Lý hoặc luận của Mâu Tử viết tại Việt Nam vào hạ bán thế kỷ thứ hai, kinh Tứ thập nhị chương và một số tài liệu khác cho rằng trong đời Hậu Hán (thế kỷ I và thế kỷ II sau công nguyên), ngoài hai trung tâm Phật giáo ở Trung Quốc là Bành Thành và Lạc Dương, còn có một trung tâm Phật giáo rất quan trọng ở Giao Chỉ (tức là Việt Nam)

Trung tâm Phật giáo quan trọng ở Giao Chỉ, tên gọi cụ thể là trung tâm Luy Lâu, cũng theo Nguyễn Lang. Trung tâm Phật giáo Luy Lâu được hình thành do sự viếng thăm của những tăng sĩ Ấn Độ. Các vị tăng sĩ này tới Việt Nam bằng đường biển, theo các thuyền buôn của người Ấn. Nhưng trước khi các vị tăng sĩ Ấn Độ tới Việt Nam, các thương gia Ấn Độ cũng đã tới Việt Nam rồi và cũng đã mang theo sinh hoạt Phật giáo tới Việt Nam (Nguyễn Lang, 1992, 21). Những thương gia kia tuy không phải là những nhà truyền giáo mà mục đích chính tới Việt Nam là buôn bán. Nhưng trong thời gian lưu lại ở Giao Chỉ, họ thờ Phật, đốt trầm, đọc kinh và cúng dường những tháp Phật nho nhỏ mà họ mang theo. Người Giao Chỉ đã học được của họ một số kỹ thuật canh tác, y thuật của các thương gia Ấn Độ khi họ đến buôn bán và từ đó cũng ảnh hưởng tín ngưỡng tôn giáo của họ. Theo cách nhận xét của Nguyễn Lang, mặc dù bị ảnh hưởng bởi đạo Phật của các thương gia Ấn Độ. Nhưng người Giao Chỉ theo đạo Phật thì đạo Phật ở đây cũng chỉ là những sinh hoạt tín ngưỡng đơn sơ của người cư sĩ, giới hạn trong sự tụng đọc tam quy, cúng dường Phật pháp và bố thí cho người ốm đau đói khổ mà thôi, mà chưa có sự học hỏi kinh điển và chế độ tăng sĩ. Theo thời gian, dựa vào một số tài liệu đã khẳng định rằng trung tâm Luy Lâu vào đời Đông Hán là một căn cứ Phật giáo quan trọng, từ đó Phật giáo đã truyền vào đất Hán. Trong ba trung tâm Phật giáo đời Hán, Luy Lâu là trung tâm có tổ chức tăng đoàn sớm nhất (Nguyễn Lang, 1992, 34).

Sau khi đất nước độc lập tự chủ năm 938, Phật giáo ngày càng có ảnh hưởng đến đời sống văn hoá tinh thần của người Việt Nam. Thời kỳ thịnh vượng nhất của Phật giáo Việt Nam chính là giai đoạn Lý - Trần. Nhưng nói đến Phật giáo Lý - Trần cần phải thấy nó bắt đầu phát triển từ thời Đinh - Lê, vai trò của các nhà sư về triều chính có ý nghĩa chính trị rất lớn. Theo sử cũ chép lại vua Đinh cho dựng chùa Nhất Trụ (Một Cột) ở kinh đô Hoa Lư để thờ Phật. Nhà sư Lý Vạn Hạnh được phong Quốc sư tham gia triều chính đời vua Lê Long Đĩnh (1006 - 1009), sau đó chính nhà sư Vạn Hạnh đã đưa Lý Công Uẩn lên ngôi vua lập ra triều Lý (Nguyễn Đăng Duy, 1999, 37). Đến đời Trần, các vị vua và đại thần vẫn hâm mộ đạo Phật. Trần Thủ Độ khi sắp qua đời đã dặn lại, ta đã tu Phật rồi, ta chết chỉ làm cỗ chay cúng phước vào chùa, không nên xây lăng mộ, cúng lễ tốn kém. Vua Trần Thái Tông đã từng bỏ ngôi vua vào núi Yên Tử tu Phật, khi trở lại làm vua vẫn là một tín đồ Phật giáo sâu nặng.

Có thể nói rằng Phật giáo đã góp phần nuôi dưỡng tinh thần bình đẳng. Khi phong kiến Trung Hoa xâm lược thống trị áp bức và bóc lột dân tộc ta, phản kháng lại ách thống trị ấy, tất nhiên tính quyết định phải là lòng yêu quê hương đất nước, ý chí kiên cường bất khuất của dân tộc ta. Thế nhưng dựa vào tư tưởng chính trị nào, để làm lý thuyết huy động lực lượng, tiến hành những hoạt động cứu nước, thì đó là yếu tố không thể thiếu. Phong kiến Trung Hoa thống trị

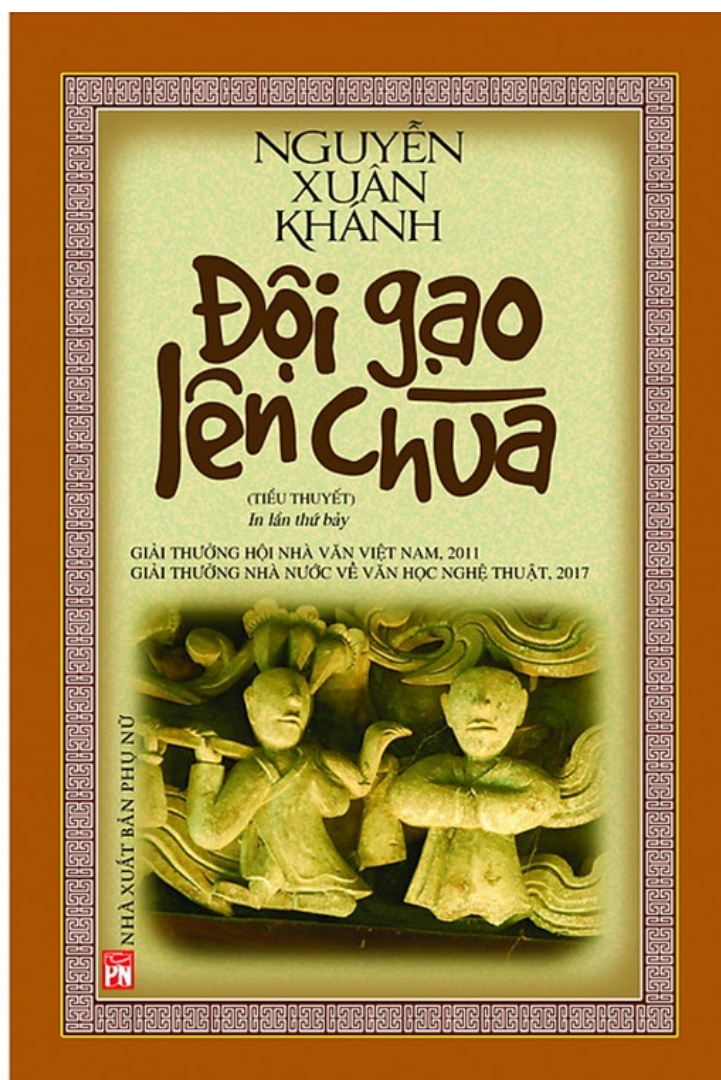
nước ta liền đưa ngay tư tưởng Nho giáo làm lý thuyết văn hoá cho sự thống trị ấy. Tất nhiên không thể lấy tư tưởng của giai cấp thống trị để chống lại sự thống trị của chúng. Trong khi đó, Phật giáo sớm du nhập từ những thế kỷ đầu công nguyên. Mặc dù Phật giáo với triết lý của nó là diệt dục, không khuyến khích sự ham muốn cuộc sống, nhưng trong không khí sôi sục của dân ta khi ấy, thì những tư tưởng riêng lẻ của nó lại phát huy được mặt tích cực. Đó là tư tưởng bình đẳng, bác ái của Phật giáo đã tác động quan trọng vào hình thành tư tưởng bình đẳng dân tộc trong dân ta, để không thể ngồi im chịu áp bức bóc lột của dân tộc khác. Và tư tưởng vô ngã của Phật giáo cũng tác động, dẫn đến tinh thần không ngại hy sinh vì độc lập tự do của dân tộc.

Lịch sử Việt Nam thời kỳ cận đại là lịch sử đế quốc Pháp xâm lược thống trị Việt Nam. Lịch sử đấu tranh của nhân dân ta chống lại sự xâm lược ấy, mà đỉnh cao là cuộc vận động cách mạng giải phóng dân tộc do Đảng cộng sản lãnh đạo. Và sau đó là cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, bảo vệ nền độc lập tự chủ của đất nước tiếp tục công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội đến ngày nay.

Trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc ta, Phật giáo có vai trò rất quan trọng trong phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc. Ngay từ khi thực dân Pháp đặt chân xâm lược Nam Bộ, nhiều ngôi chùa được lập ra để làm cơ sở tập hợp lực lượng kháng Pháp. Như chùa Tam Bửu lập ra năm 1872 ở Ba Chúc, An Giang do nhà sư Ngô Văn Lợi khởi xướng. Cùng nhiều Am, Chùa gắn với các ông đạo Thứ, đạo Kiểng ở vùng núi Tượng, An Giang, đều nhằm làm nơi tập hợp lực lượng kháng Pháp. Khi đất nước bước vào cuộc cách mạng giải phóng dân tộc do Đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Nhiều ngôi chùa trong cả nước với tính chất là cơ sở tôn giáo, được ở ngoài vòng pháp luật đã trở thành cơ sở cách mạng, nhiều nhà sư có lòng yêu nước đã giúp đỡ che chở cho những cán bộ hoạt động cách mạng. Chùa Đồng Kỵ, Tiên Du, Bắc Ninh đã là nơi diễn ra hội nghị Ban thường vụ Trung ương Đảng họp bàn, ra nghị quyết “Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”. Sau khi Nhật đảo chính đánh Pháp ở Đông Dương năm 1945.

Hiện nay theo số liệu thống kê của uỷ ban Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam (1997) thì trong nước ta có 392 ngôi chùa là di tích lịch sử cách mạng kháng chiến, có một bà mẹ Việt Nam anh hùng là nhà sư, ba liệt sĩ là nhà sư...Qua đó, ta thấy được một thời kỳ sôi động sinh tử của dân tộc. Phật giáo với tư tưởng bình đẳng, từ bi, bác ái đã hoà nhập được sự nghiệp cách mạng của dân tộc càng nhấn mạnh vai trò Phật giáo sâu đậm trong lịch sử dân tộc Việt Nam (Nguyễn Đăng Duy, 1999, 297).

* Nhà văn Nguyễn Xuân Khánh xây dựng hình tượng Phật giáo trong mối quan hệ với cách mạng



(Ảnh: Internet)

Nguyễn Xuân Khánh (bút danh là Đào Nguyễn), ông sinh 1933 tại làng Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội. Ông đỗ tú tài Toán, học đại học Y khoa Hà Nội. Năm 1953, ông ra vùng tự do khu Bốn tham gia bộ đội. Ông ở một đơn vị pháo binh, sau đó dạy văn hoá tại trường sĩ quan lục quân trước khi chuyển về làm việc tại tạp chí văn nghệ Quân đội vào cuối năm 1959. Từ năm 1965, ông làm phóng viên báo Thiếu niên tiền phong và nghỉ hưu năm 1973. Ông là hội viên hội nhà văn Việt Nam từ năm 2001. Nhà văn Nguyễn Xuân Khánh mất vào ngày 12 tháng 6 năm 2021.

Sự nghiệp sáng tác của ông được bắt đầu với chuyện ngắn “Một đêm” (1959), sau đó là tập “Rừng sâu” (1963) viết về cuộc sống người lính thời hoà bình với lối văn giản dị, chân thành. Sau một thời gian dài im lặng, ông trở lại văn đàn với bộ tiểu thuyết lịch sử “Hồ Quý Ly” (1990) đánh dấu bước ngoặt trong sự nghiệp sáng tác của ông. Sau đó là tác phẩm “Mẫu Thượng ngàn” (2006) và

đỉnh cao trong sự nghiệp là tác phẩm “Đội gạo lên chùa” (2011), là tác phẩm dài 900 trang ghi dấu ấn tư tưởng Phật giáo và văn hoá dân gian sâu sắc.

Có thể nói rằng, nhà văn Nguyễn Xuân Khánh là hình mẫu điển hình của sự âm thầm cống hiến, lòng kiên trì và khả năng khai thác sâu sắc văn hóa, tín ngưỡng để tạo nên những tác phẩm giàu triết lý, giá trị lịch sử và cảm xúc. Ông đã góp phần làm giàu thêm diện mạo văn học hiện đại Việt Nam, dù con đường văn chương của ông đầy lặng lẽ và muộn màng.

Trong tác phẩm “Đội gạo lên chùa” được tác giả miêu tả làng Sọ, một làng quê ở Bắc Bộ trải dài suốt nửa thế kỷ, từ kháng chiến chống Pháp, cải cách ruộng đất đến thời kỳ chống Mỹ và giai đoạn hoà bình thống nhất đất nước. Truyện khắc họa vai trò sâu sắc của Phật giáo trong đời sống tâm linh và văn hóa của người dân vùng đồng bằng Bắc Bộ, khi họ trải qua nhiều biến động lịch sử.

Trong tác phẩm, nhân vật tiêu biểu là hai chị em An và Nguyệt, sau trận càn của thực dân Pháp, cha mẹ của hai chị em bị giặc Pháp sát hại vì nghi liên quan đến giúp đỡ Việt Minh. Nguyệt bị ép lấy Lý trưởng nên hai chị em bỏ trốn khỏi làng, sau đó số phận của họ trôi dạt về chùa Sọ và được sư cụ Vô Úy cứu độ nuôi dưỡng. Từ đó, số phận của họ gắn bó sâu sắc với ngôi chùa Sọ. Ngoài hai chị em Nguyệt và An, tác giả đã xây dựng hình ảnh nhà sư Vô Úy khá đặc sắc. Sư cụ Vô Úy là hình ảnh tiêu biểu của một nhà tu chân chính - có đời sống giản dị, từ bi, nhưng không tách rời thế gian. Dưới mái chùa, sư cụ vừa là người che chở, lại đồng thời tiếp nhận hiện thực biến động thời cuộc. Ông trở thành biểu tượng của đạo Phật dung dị và sáng suốt trong hiện sinh.

Một nhân vật cũng khá tiêu biểu là sư bác Khoan Độ, nhân vật này có cuộc đời rất dữ dội. Từ nhỏ đã mồ côi mẹ, do nghịch ngợm ngang tàn đã bị bố nhai tâm cắt gân chân. Sau khi gặp người phụ nữ tên Khoai, tưởng như cuộc đời sẽ hết sóng gió với Độ và hai người trở thành vợ chồng, nhưng sau khi bắt rắn để bán lấy tiền thì đã dẫn đến Khoai bị rắn cắn chết. Chán đời, Độ bỏ đi ăn cướp. Một lần bị thương rất nặng đã được nhà sư Vô Úy cứu khỏi và cảm hoá. Cuối cùng, Độ tự nguyện đốt ngón tay để giữ gìn phật pháp trọn đời.

Ngoài những nhân vật tiêu biểu trên, trong “Đội gạo lên chùa” còn nhiều nhân vật phụ nhưng đều chịu ảnh hưởng của Phật giáo trong đời sống tinh thần ở các mức độ khác nhau. Mỗi người mang một số phận, một góc nhìn vào cuộc sống khác nhau, góp phần làm nên bức tranh xã hội phong phú dưới ánh sáng của đạo Phật và chiến tranh như chị Thì, anh Lắm, cô Rêu...

Tác phẩm đã truyền tải một thông điệp sâu sắc của Phật giáo, đó là tư tưởng “cư trần lạc đạo” không bỏ cuộc đời đi tìm niết bàn mà tìm nó ngay trong cuộc

sống trần thế. Khi An mới đến chùa Sọ những hình ảnh tàn ác của kẻ thù đã làm cho An khủng hoảng tinh thần. Lúc đó nhà sư Vô Úy đã khuyên bảo An rất nhiều. Ông nói: *“Con ơi! Tiếng mõ là tiếng nói đức Phật. Tiếng mõ đánh thức sự tốt lành, đánh thức cái tâm Phật trong mỗi con người. Tiếng mõ đêm khuya vang lên trong làng xóm nói với thế gian rằng Phật luôn ở giữa cuộc đời này... Phải nghiêm trang, kính cẩn mà gõ. Phải quán tưởng đến hạnh từ bi mà gõ. Đến một lúc nào đó, tâm hồn ta sẽ bừng sáng. Ta sẽ được sống trong sự an lành vô biên...”* (Nguyễn Xuân Khánh, 2013, 25).

An được sư Vô Úy dạy bảo rất nhiều triết lý đạo Phật và ông luôn gắn đạo Phật với cuộc sống hàng ngày. Từ đó làm An cảm nhận Phật giáo rất gần gũi, giản dị và cụ thể. Hoà thượng cho rằng người tu thiền khổng phải chỉ là ở cách ngồi thiền và hít thở theo quy cách tu thiền mà mọi hành vi, cử chỉ, lời nói...tất cả đều là thiền hết. Thiền là một nếp sống đạo hạnh. Từ sớm mai cho đến tối mịt lúc nào cũng thiền. Theo Hoà Thượng: *“...ăn cũng thiền, ngủ cũng thiền, đi cũng thiền...chúng ta sinh ra ở cõi người đó là điều hữu hi. Sống trên đời là điều hiếm có, vậy thì ta sống làm sao cho xứng đáng...”* (Nguyễn Xuân Khánh, 2013, 72 - 73).

Trong phần 7 của tác phẩm, với tiêu đề *nhà sư cách mạng*, tác giả “Đội gạo lên chùa” đã nhấn mạnh cuộc sống trần thế khiến Phật giáo không xa rời được nhân sinh. Khi nhà sư Vô Trần từ người muốn hiến dâng cả đời cho Phật pháp nhưng rồi những hoàn cảnh chưa dứt bụi trần đã khiến Vô Trần trở về đời sống hàng ngày và đã có những hoạt động tham gia cách mạng chống Pháp. Chuyện ông sư Vô Trần phá giới trở thành nhà cách mạng thật thú vị. Cũng có thể dân làng Sọ thêm thắt vào câu chuyện đó để biến thành huyền thoại nhưng những sự thật về ông trong hoạt động cách mạng được mọi người biết đó là: *“Chính ông đã lãnh đạo cách mạng ở huyện sở tại. Ông đã phá kho thóc chia cho dân nghèo. Ông đã vũ trang tuyên truyền, hùng hồn diễn thuyết giữa chợ Sọ. Ông đã đường hoàng đến từng nhà bọn chánh tổng lý trưởng, uy hiếp, bắt chúng nộp triện đồng trao trả chính quyền cho nhân dân...”* (Nguyễn Xuân Khánh, 2013, 143).

Sau khi cách mạng thành công, thiền sư Vô Cháp lúc đó đã hơn chín mươi tuổi. Nghe tin vị thiền sư ốm nặng, Vô Trần vội vã về thăm chùa cũ. Vị sư già ngồi lệt thốt trong ghế mây mặc dù mắt đã loà nhưng vẫn nhận ra người học trò cũ yêu quý của mình. Lúc đó Vô Trần sụp lạy trước thầy xin lỗi đã làm uổng công dạy dỗ của Thầy. Đầu óc vị sư già vẫn còn minh mẫn đã nói với người học trò của mình rằng: *“Ta mong con về quá. Ta biết con sẽ về trước lúc ta ra đi. Con chưa đủ duyên lành để hoàn toàn rũ bỏ bụi trần. Cũng chẳng sao đâu. Xưa kia, đức Tuệ Trung thượng sĩ thầy dạy của đức vua Trần Nhân Tông, đệ nhất tổ Trúc*

Lâm, cũng chỉ là cư sĩ ...chỉ có điều, dù tăng hay tục, con không bao giờ được quên lời đức Thế Tôn đã dạy...” (Nguyễn Xuân Khánh, 2013, 144).

Trong phần 12 nói về thiền sư Vô Úy, nhà văn Nguyễn Xuân Khánh đã xây dựng lên hình ảnh một nhà sư bất khuất kiên cường trước sự tra tấn dã man của kẻ thù vì nghi ngờ ông giúp đỡ cách mạng. Theo thiền sư Vô Úy câu cửa miệng muôn thừa của nhà sư là “A di đà Phật!”. Đó là lời chào, lời xin lỗi, cũng là lời cảm ơn, cũng có thể là lời thông cảm một tiếng kêu đau xót với cuộc sống trần thế vô thường. Nó cũng dùng với người hiền hoà thân quen, nhưng cũng là câu trả lời với kẻ hung bạo, độc địa. Khi thiền sư bị tên Tây mặt đỏ đánh đập tàn nhẫn, ông chỉ luôn mồm nói A di đà Phật dù bị đánh gãy hai chân. Ông nói: *“Đúng vậy, khi ấy ta niệm Phật. Như vậy có hai cái lợi đối với ta, khi niệm Phật, lòng sân hận trong ta sẽ không dấy động, còn đối với kẻ kia, ta cũng cầu cho họ đừng nhúng tay vào cái ác, để tránh nghiệp quả...Thầy tin rằng những ý nghĩ tốt đẹp cũng có sức mạnh của nó và có cách lan truyền riêng của nó. Ý nghĩ an lành như một làn sóng, nó truyền lan nhưng mắt ta không nhìn thấy. Vả lại sự tàn độc của một thời biết đâu lại chẳng có mặt tích cực. Bởi khi cái ác xuất hiện thì cái thiện cũng đồng thời được biểu hiện với tất cả vẻ rực rỡ của nó...”* (Nguyễn Xuân Khánh, 2013, 248 - 249).



(Ảnh: Internet)

Thiền sư Vô Úy có tên tục là Sinh xuất thân trong gia đình nho học có truyền thống yêu nước. Cha là Lê Mậu đỗ cử nhân, khi giặc Pháp xâm lược nước ta, ông tham gia phong trào Cần Vương bị giặc Pháp bắt đày ra Côn Đảo. Sinh được bà nội chăm sóc dạy dỗ và đến với đạo Phật một cách tự nhiên vì bà nội là người sùng đạo Phật. Sau khi tiếp xúc với Thiền sư Vô Cháp, Sinh đã hiến dâng cả cuộc đời mình theo đạo Phật do thấm nhuần những bài giảng triết lý sâu xa của

Thiền sư Vô Chấp. Chính cha của Sinh là ông cử Lê Mậu sau khi mãn hạn tù khổ sai thấy con mình nói về Phật pháp như một nhà tu hành thực sự làm ông vô cùng ngạc nhiên. Trước đây, ông cử Lê Mậu vẫn cho rằng Phật giáo là xuất thế không giống Nho giáo là nhập thế. Nhưng trong cuộc đàm đạo với vị thiền sư Vô Chấp thầy của con trai mình. Ông cử Lê Mậu đã hiểu sâu sắc thêm đạo Phật trong dòng chảy lịch sử văn hoá dân tộc. Thiền sư Vô Chấp cho rằng: *“Đạo Phật ở nước Nam ta luôn gắn bó với dân tộc, bởi vì họ biết đất nước có tự chủ thì đạo Phật mới phát triển được. Nói chung, trong suốt lịch sử, dân Việt là Phật giáo. Thời Lý Trần đã đành. Lúc ấy phân nửa dân số ở chùa. Sang Lê và sau này, Nho giáo lên ngôi. Tuy nhiên, lúc này vẫn là Phật giáo. Bởi vì, mỗi làng đều có đình và chùa. Người Nam sinh hoạt ở đình. Phụ nữ sinh hoạt ở chùa. Vì vậy tinh thần Phật giáo thấm vào xã hội thông qua người mẹ, người vợ. Mà người phụ nữ nào chẳng có gia đình và con cái. Người đàn bà ứng xử trong gia đình xã hội và dạy con cái ít nhiều theo tinh thần Phật giáo. Vậy nên mới nói, bất cứ người Việt nào cũng đều có chút Phật giáo trong người...”* (Nguyễn Xuân Khánh, 2013, 255).

Ông cử Mậu là nhà Nho thuần khiết. Ông cũng không cực đoan tới mức bài xích đạo Phật. Tuy nhiên, ông tin tưởng vào sự nhập thế tích cực của đạo Nho. Muốn yêu thương đồng loại ư? Muốn hạnh phúc cho mọi người ư? Thế thì hãy ở giữa cõi đời đời mà sống. Việc gì mà phải xa lánh trần gian. Những ngày bị tù đầy trên hòn đảo trơ vơ giữa biển khơi, ông ngẫm nghĩ về cuộc sống, tư tưởng nhập thế của ông không thay đổi nhưng nhìn thấy tương lai mờ mịt của dân tộc trước kẻ thù quá mạnh hình như tư tưởng nhập thế của ông đã mềm dẻo hơn. Phải trải qua truân chuyên, ông mới cảnh nhận được phần nào cái lý của sự tồn tại những ngôi chùa ở những làng quê. Thiền sư Vô Chấp cũng khẳng định giá trị trường tồn của Phật giáo khi cho rằng: *“có người cho rằng chữ nhẫn của đạo Phật là yếu hèn cam chịu. Chắc chắn không phải như vậy. Cuộc đời lắm lúc cần phải biết dừng lại để suy ngẫm, để tích tụ sức mạnh. Khi nào cần thiết, Phật giáo sẽ bùng nổ theo cách của nó. Mà năng lượng của cái nhẫn sẽ ghê gớm không thể tưởng tượng nổi. Nó kinh thiên động địa. Sức mạnh của từ bi có thể làm sụp đổ những gì tàn bạo nhất. Phải là người dũng mãnh như sư tử, ý chí như sắt thép mới thi hành được chữ nhẫn nhà Phật...”* (Nguyễn Xuân Khánh, 2013, 256).

3. Kết luận

Như vậy, qua việc nghiên cứu về vai trò của **Phật giáo Việt Nam** trong trường hợp nghiên cứu tác phẩm *Đội gạo lên chùa*, một lần nữa tác giả Nguyễn Xuân Khánh muốn nhấn mạnh vai trò của Phật giáo luôn đồng hành cùng dân tộc.

Trong dòng chảy lịch sử dân tộc Việt Nam, Phật giáo như là nội lực để phát huy sức mạnh dân tộc, đặc biệt trong các cuộc đấu tranh bảo vệ tổ quốc trước sức mạnh của kẻ thù xâm lược từ Đinh, Lý, Trần, Lê, Nguyễn đến hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ của cách mạng Việt Nam.

Tác phẩm *Đội gạo lên chùa* cũng là bằng chứng sinh động cho sự hòa quyện giữa đạo và đời, giữa Phật giáo và cách mạng. Mỗi lần đất nước lâm nguy một trong những yếu tố tinh thần quan trọng nhất phát sức mạnh tổng hợp, điều này cũng chứng minh Phật giáo không hề xuất thế mà luôn nhập thế. Tức là Phật giáo luôn thấu hiểu nỗi khổ chúng sinh và mong muốn tìm ra con đường đúng đắn hướng đến quốc thái dân an. Những giá trị của Phật giáo tiếp tục có ý nghĩa trong sự nghiệp phát triển đất nước hiện nay như tinh thần bình đẳng, từ bi bác ái, bảo vệ môi trường và phát triển xã hội.

Tác giả: **TS Phạm Thanh Hà**

Tham luận tại Hội thảo khoa học "Đạo Phật Với Cách Mạng Việt Nam" tổ chức ngày 25/08/2025, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội

Chú thích:

1) Khoa Triết học, Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQGHN

Tài liệu tham khảo:

- 1] Nguyễn Đăng Duy (1999), Phật giáo với văn hoá Việt Nam, NXB Hà Nội.
- 2] Nguyễn Lang (1992), Việt Nam Phật giáo sử luận, NXB Văn Học, Hà Nội.
- 3] Nguyễn Xuân Khánh (2013), *Đội gạo lên chùa*, NXB Phụ nữ, Hà Nội.